

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2026/HNGĐ-ST

Ngày 17/7/2026

V/v: *Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – HẢI PHÒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thiện Phán;
- *Các hội thẩm nhân dân:* Nguyễn Danh Đức, ông Nguyễn Đình Thu;

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Nga - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2026 về Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2026/QĐST-HNGĐ ngày 29/6/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị G, sinh năm 1990. CCCD số: 030190019174 cấp ngày 06/01/2024;

Địa chỉ: thôn MT, xã ĐA, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lương Văn H, sinh năm 1985. CCCD số: 030085004115 cấp ngày 22/8/2025;

Địa chỉ: thôn MT, xã ĐA, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

* Người làm chứng:

- Ông Lương Văn V, sinh năm 1964; địa chỉ: thôn MT, xã ĐA, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

- Ông Vũ Văn K, sinh năm 1963; địa chỉ: thôn CX, xã TH, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Vũ Thị G trình bày: Chị và anh Lương Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện,

được UBND xã Tân Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 31/8/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn MT, xã ĐA, thành phố Hải Phòng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Đến năm 2015 mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp với nhau, anh H không chịu làm ăn chơi cờ bạc, xúc phạm vợ và gia đình vợ.... Gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải, song tình cảm vợ chồng không cải thiện mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế, chị ra ngoài sinh sống ly thân với anh từ tháng 4/2026. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị làm đơn yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn anh Lương Văn H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là cháu Lương Gia H1, sinh ngày 06/8/2009 và cháu Lương Gia H2, sinh ngày 26/01/2014. Hiện cháu H1 đang ở với chị còn cháu H2 đang ở với anh H. Sau khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cháu H2 và H1, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về thu nhập, chị hiện đang làm may tại nhà, mức lương chính khoảng 12-15.000.000 đồng/tháng và được bố mẹ đẻ phụ giúp về chỗ ở, trông con, kinh tế.

Về tài sản chung, vay nợ: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lương Văn H trình bày: Anh và Chị G tự do tìm hiểu và được đăng ký kết hôn như Chị G trình bày là đúng, vợ chồng ở với nhau đến khoảng tháng 9 năm 2015 thì vợ chồng mâu thuẫn đến đỉnh điểm. Do Chị G không nghe lời anh, đi nước ngoài hết hạn cũng không về hạnh phúc hôn nhân bết tắc. Anh đồng ý ly hôn với Chị G để sớm ổn định cuộc sống. Anh và Chị G có hai con chung như Chị G trình bày; anh đề nghị giao cháu H1 và cháu H2 cho anh nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên, anh không yêu cầu Chị G phải góp tiền nuôi con chung.

Anh có nơi ăn chỗ ở ổn định, làm phụ xây tại địa phương có thu nhập ổn định 14.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện nuôi dưỡng hai con chung; mặt khác bố mẹ đẻ anh cũng chăm sóc các cháu cùng anh.

Về tài sản chung, nợ chung: anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng:

- Ông Lương Văn V: Tôi là bố đẻ anh H, sau khi kết hôn vợ chồng anh H Chị G ở cùng gia đình tôi. Do kinh tế khó khăn, anh chị bàn nhau đi nước ngoài làm ăn nhưng vẫn không cải thiện. Vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn kéo dài, đến nay rất trầm trọng vợ chồng không quan tâm, không tin tưởng nhau. Nay chị quyết định ly hôn anh H tôi tôn trọng. Anh H nếu được giao trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì tôi hỗ trợ chỗ ăn ở và thời gian chăm sóc cháu. Hiện cháu H1 ở với bố và vợ chồng tôi còn cháu H2 ở với mẹ.

- Ông Vũ Văn K trình bày: tôi là bố đẻ Chị G, anh H là con rể. Vợ chồng kinh tế khó khăn, bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau, anh H đuổi Chị G ra khỏi nhà là hành xử không đúng. Chị G xin ly hôn tôi tôn trọng quan điểm của con. Vợ chồng tôi hỗ trợ chỗ ăn, ở và chăm sóc hai cháu nếu được Toà án giao cho Chị G nuôi cả hai.

Tại phiên tòa, anh H Chị G thuận tình ly hôn. Chị G yêu cầu được nuôi cháu Lương Gia H1 và Lương Gia H2, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con; anh H yêu cầu được nuôi dưỡng cả cháu Lương Gia H2 và cháu Lương Gia H1, không yêu cầu Chị G phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản không đề nghị giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

Hướng giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân gia đình, khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, ghi nhận sự thuận tình ly hôn của Chị G và anh H; Áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân Gia đình; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán: giao cháu Lương Gia H1, sinh ngày 06/8/2009 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên; giao cháu Lương Gia H2, sinh ngày 26/01/2014 cho Chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chị G phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đây là vụ án Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn, cư trú tại thôn MT, xã ĐA, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Quan hệ về hôn nhân: Chị Vũ Thị G kết hôn với anh Lương Văn H là tự nguyện và đăng ký kết hôn hợp pháp. Trong thời gian vợ chồng chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh chị nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng sống với nhau không có hạnh phúc nên chị đã ly thân với anh từ tháng 4 năm 2026, cắt đứt quan hệ tình cảm và kinh tế, không còn quan tâm đến nhau. Như vậy, xác định hôn nhân giữa Chị G và anh H đã lâm vào tình trạng trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được Chị G và anh H thuận tình ly hôn; vì vậy, HĐXX ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp với khoản 1 Điều 51 và Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Lương Gia H1, sinh ngày 06/8/2009 và cháu Lương Gia H2, sinh ngày 26/01/2014. Hiện cháu H2 đang ở với anh H, cháu H1 đang ở với Chị G. Chị G có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H2 và cháu H1 không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H2 và cháu H1 không yêu cầu Chị G cấp dưỡng. Xét thấy Chị G có công việc và thu nhập ổn định (khoảng 12-15 triệu đồng/tháng), có nhà ở (thuê) cùng bố mẹ để chăm sóc con, hơn nữa hiện cháu H1 muốn được ở với mẹ; anh H có công việc thu nhập ổn định (khoảng 14 triệu đồng/tháng) có nhà ở của bố mẹ, anh và bố mẹ để hiện đang nuôi dưỡng cháu H2, cháu được phát triển mọi mặt. Vì vậy, xét về điều kiện để nuôi dưỡng chăm sóc con chung của anh, chị đều tốt. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển của các cháu, Hội đồng xét xử giao cho Chị G được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Gia H2, sinh ngày 26/01/2014; anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Gia H1, sinh ngày 06/8/2009 đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại các Điều 58; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của Chị G và anh H không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung, vay nợ: Chị G và anh H không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

[5]. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Quan hệ về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị G và anh Lương Văn H.

- Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị G trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Gia H2, sinh ngày 26/01/2014; giao cho anh Lương Văn H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Gia H1, sinh ngày 06/8/2009 đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Chị G và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản: Chị G, anh H không yêu cầu nên không giải quyết.

- Án phí: Chị Vũ Thị G tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000đ và tự nguyện sung Nhà nước 150.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đ theo biên lai ký hiệu: BLTU/26E số: 0005342 ngày 06/5/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 12 – Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Đường An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thiện Phán